

## PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÃ THÚY HƯƠNG\*

### TÓM TẮT

*Kinh tế trang trại xuất hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) thời kì đầu những năm 80 của thế kỉ XX, khi nền nông nghiệp chuyển sang sản xuất hàng hóa trên cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh tế trang trại đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng thu nhập, mở ra cách làm ăn mới cho người lao động, góp phần thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố.*

**Từ khóa:** kinh tế trang trại, nông nghiệp, sản xuất hàng hóa.

### ABSTRACT

#### *Developing farming economy in Ho Chi Minh City*

*Farming economy has started in HCMC in the early years of 80th last century, at that time economy was transferring to the goods production based on industrialization and modernization. Farming economy took an important part in bringing more jobs, in increasing incomes and in creating new ways of doing business to the farmers as well. It also contributed in industrialization and modernization of the countryside areas in HCMC.*

**Keywords:** farming economy, agricultural, production of goods.

### 1. Đặt vấn đề

Kinh tế trang trại (KTTT) là hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, nông thôn. Loại hình này chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản. So với nền sản xuất tiểu nông thì KTTT là một bước phát triển vượt bậc từ sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Thực tiễn đã khẳng định khả năng phát triển và hiệu quả về nhiều mặt của KTTT. Nó góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn lực, tạo ra khối lượng nông sản hàng hóa ngày càng nhiều, tạo cơ hội cho việc áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật làm tăng năng suất lao động..., từ đó góp phần

giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế xã hội và môi trường.

TPHCM là thành phố công nghiệp lớn, vành đai nông nghiệp ngoại thành cũng không ngừng phát triển, hình thức TT xuất hiện khá sớm, mang những đặc điểm của TT cả nước. Tuy nhiên, hiện nay, KTTT ở TPHCM đã có sự phát triển mang những đặc trưng riêng so với TT cả nước. Các nhà nghiên cứu gọi đó là “trang trại đô thị”.

### 2. Những nhân tố tác động đến phát triển kinh tế trang trại ở TPHCM

#### 2.1. *Khái quát về TPHCM*

TPHCM có tọa độ 10°10' – 10°38' Bắc và 106°22' – 106°54' Đông, phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và Tiền Giang.

\* ThS, Trường THPT Trường Chinh, TPHCM

Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, địa hình thành phố thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Hệ thống sông rạch chằng chịt với tổng chiều dài 7955km. Khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhiệt độ cao đều trong năm với hai mùa mưa – khô rõ rệt. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 tới tháng 11, còn mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau.

Về kinh tế, TPHCM giữ vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế của cả nước. Chỉ với 0,6% diện tích và 7,5% dân số của toàn quốc nhưng lại chiếm tới 20,2% tổng sản phẩm, 27,9% giá trị sản xuất công nghiệp và 34,9% dự án nước ngoài. Thu nhập bình quân đầu người là 2.534 USD/năm (2008), (trung bình cả nước 1024 USD/năm). [7]

Về cơ cấu kinh tế, khu vực nhà nước chiếm 33,3%, ngoài quốc doanh chiếm 44,6%, phần còn lại là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất, 51,1%; công nghiệp và xây dựng chiếm 47,7%; nông – lâm – thủy sản chỉ chiếm 1,2%. [7]

Dân số thành phố có 7.165.398 người (thời điểm 4-2009), mật độ dân số 3419 người/km<sup>2</sup>, thu nhập bình quân đầu người rất cao so với mức bình quân của cả nước nhưng khoảng cách giàu nghèo lớn do những tác động của nền kinh tế thị trường. Sự phân hóa được thể hiện rõ ở sự khác biệt giữa các quận nội thành so với các huyện ngoại thành (GDP khu vực nông nghiệp ngoại thành là 914

USD/người, bằng 40% bình quân của thành phố). [7]

Về không gian sản xuất nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp của thành phố tập trung tại 5 huyện ngoại thành là Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ và một phần các quận Thủ Đức, Bình Tân, Quận 9 và Quận 12. Trong những năm qua, diện tích đất nông nghiệp giảm khá nhanh do quá trình đô thị hóa. Do đó, thành phố đã đầu tư phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa (phát triển TT chăn nuôi, trồng trọt loại có chất lượng cao, giá trị sử dụng lớn).

## **2.2. Các nhân tố tác động đến sự phát triển trang trại ở TPHCM**

- *Thị trường tiêu thụ sản phẩm* (đầu ra cho nông sản, quyết định quy mô sản xuất, chủng loại, chất lượng sản phẩm,...) đang có nhu cầu lớn. Thị trường này không chỉ thu hẹp trong phạm vi TPHCM mà có thể mở rộng ra phạm vi cả nước và quốc tế. Nhưng trước yêu cầu ngày càng cao của khách hàng thì thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt.

- *Các chính sách của Nhà nước:*

*Chính sách về đất đai:* Luật Đất đai năm 1993 và năm 2003 là cơ sở quan trọng cho sự hình thành và phát triển các TT gia đình. Theo đó, Nhà nước giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ gia đình và cá nhân với 5 quyền: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế và thế chấp. Trên cơ sở này, ở nông thôn đã diễn ra phong trào dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất. Người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất và họ cũng có điều kiện thuận lợi hơn để tiếp cận các nguồn tín

dụng từ ngân hàng. Tình trạng manh mún vốn có của nền kinh tế tiểu nông dần dần được khắc phục.

*Chính sách tín dụng:* Nhà nước đã có nhiều ưu đãi về tín dụng cho nông nghiệp. Các chủ TT được huy động vốn bằng các hình thức vay ngân hàng, vay của các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật. Với nguồn vốn này, chủ trang trại có thể mở rộng kinh doanh và tham gia các chương trình hợp tác, hội chợ, phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến cũng như thúc đẩy sự liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

*Chính sách thuế:* thay đổi theo hướng giảm đóng góp của nông dân và khuyến khích hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả (thuế sử dụng đất đã thay thế cho thuế nông nghiệp). Những TT được thành lập ở các vùng đất trồng, đồi trọc, bãi bồi, đầm phá ven biển được miễn thuế thu nhập với thời gian tối đa theo Nghị định 51/1999/ ND-CP; đồng thời được miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai...

*Chính sách đối với lao động làm việc trong các TT:* có nhiều điểm mới. Nhà nước cho phép chủ TT được thuê mướn lao động không hạn chế, không phân biệt địa bàn sinh sống của người lao động dưới các hình thức hợp đồng hoặc thỏa thuận lao động. Đối tượng được thuê mướn trước hết là lao động tại chỗ, lao động nữ, những người chưa có việc làm, người nghèo. Để phục vụ kỹ thuật cho các TT, Nhà nước cũng có chính sách ưu tiên cho cán bộ nông nghiệp làm việc ở vùng

xa. Bên cạnh đó, hàng loạt chính sách cởi mở khác về tiêu thụ sản phẩm, khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao công nghệ, bảo hộ sản phẩm, xuất nhập khẩu nông sản,... đã được triển khai cũng là những nhân tố quan trọng trong việc phát triển KTTT trên quy mô lớn.

- *Các yếu tố tự nhiên:* Đất đai, thời tiết, khí hậu, nguồn nước... là những yếu tố tác động vô cùng to lớn đến hoạt động của KTTT vì đối tượng sản xuất đều là các sinh vật sống với thời gian sinh trưởng và phát triển phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố tự nhiên. Diễn biến của các yếu tố tự nhiên thì ngày càng phức tạp, có thể gây bất lợi cho nhà nông. Điều này khiến các nhà quản lý cũng như các chủ TT phải nghiên cứu kỹ lưỡng để đưa ra quyết định hợp lý khi đầu tư.

- *Trình độ quản lý:* Chuyên môn nghiệp vụ của chủ trang trại còn nhiều hạn chế bởi phần lớn không được đào tạo hoặc đào tạo chắp vá không có hệ thống.

- *Việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* cho các chủ TT còn tiến hành quá chậm... Thực tế cho đến nay, 55% số các TT trên cả nước vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Chính vì vậy, các chủ TT chưa thật sự yên tâm khi bỏ vốn đầu tư vào việc phát triển TT.

- *Lực lượng lao động:* không tập trung mà phân bố rải rác khắp nơi nên việc quy tụ lại một chỗ và đáp ứng các yêu cầu về chỗ ăn, ở, quản lý con người là vô cùng khó khăn. Đây cũng là nhân tố làm tăng các chi phí đầu vào, tăng giá thành sản phẩm.

- *Đầu tư cho KTTT*: không yêu cầu lớn như sản xuất công nghiệp và có thể đầu tư dần trong suốt quá trình sản xuất hoặc chu kỳ sản phẩm. Điều này có thể giãn cách thời gian huy động, đầu tư vốn. Song, trong thời gian dài của mùa vụ, sản phẩm nông nghiệp chịu sức ép rất lớn về thời tiết, khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. Tính rủi ro trong đầu tư sản xuất dẫn đến việc huy động vốn rất khó khăn.

- *Công nghệ chế biến và bảo quản*: đã làm tăng giá trị của sản phẩm tinh. Tuy nhiên, sản phẩm nông nghiệp mang tính thời vụ, thu hoạch tập trung trong thời gian ngắn với số lượng rất lớn, việc đầu tư vào công nghệ chế biến rất tốn kém.

### **3. Những lợi ích của việc phát triển kinh tế trang trại**

Lợi ích của việc phát triển KTTT là rất lớn, đặc biệt trong thời kỳ CNH-HĐH nền kinh tế nước ta nói chung và TPHCM nói riêng. Vì vậy, cần nhận thức KTTT là một loại hình kinh tế tiến bộ trong nền nông nghiệp hàng hóa, gắn liền với quá trình CNH - HĐH bởi:

- KTTT cung cấp nguồn nguyên liệu nông sản có chất lượng cho công nghiệp chế biến và dịch vụ, góp phần làm chủ thị trường trong và ngoài nước, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn tập trung, thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tiến tới xây dựng những vùng nông thôn mới văn minh, hiện đại.

- Phát triển KTTT là kết quả tất yếu của quá trình phát triển kinh tế hộ gắn với sự chuyển hướng về chất trong sản xuất

nông nghiệp (Từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hàng hóa), là một tiến bộ mang tính cách mạng trong việc tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển KTTT nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững; tạo việc làm tăng thu nhập, khuyến khích làm giàu đi đôi với xóa đói giảm nghèo.

- Quá trình chuyển dịch, tích tụ ruộng đất đã hình thành các TT gắn liền với quá trình phân công lại lao động ở nông thôn, từng bước chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang phi nông nghiệp, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa trong nông nghiệp và nông thôn.

- KTTT huy động được nguồn vốn nhàn rỗi từ người dân đưa vào đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Điều này vừa có lợi cho kinh tế vừa góp phần làm lành mạnh các vấn đề xã hội ở nông thôn vì thu nhập được đầu tư vào tái sản xuất.

- KTTT thúc đẩy sự hình thành và phát triển các hình thức hợp tác mới, tạo sự liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh giữa TT với các doanh nghiệp, làm tăng giá trị nông sản hàng hóa, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- KTTT đã góp phần quan trọng vào việc trồng, bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, góp phần tích cực cải tạo và bảo vệ môi trường sinh thái.

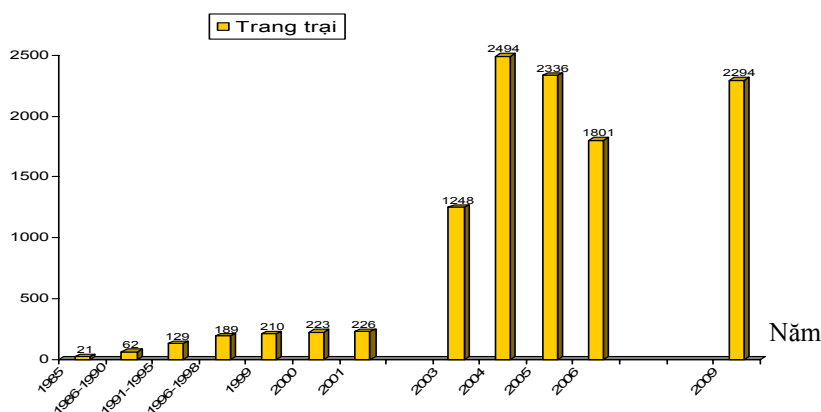
Nhìn chung, KTTT ở Việt Nam tuy mới xuất hiện và còn là một lực lượng sản xuất nhỏ bé nhưng đã đóng góp đáng kể vào việc phát huy nội lực, khơi dậy tiềm năng lao động, đất đai, tiền vốn trong dân, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Hàng năm, số TT tăng bình quân khoảng 6%, tạo khoảng 300.000 việc làm thường xuyên và 6 triệu ngày công lao động thời vụ, tạo ra giá trị sản lượng hàng hóa lớn.

**4. Sự phát triển và phân bố trang trại ở TPHCM**

**4.1. Phát triển kinh tế trang trại ở TPHCM**

Vào những năm 80, mô hình KTTT còn khá xa lạ với đa số nông dân thành phố. Nhưng từ năm 1990 đến năm 2009, số TT đã tăng nhanh từ 62 TT lên đến 2294 TT. Những năm gần đây, do tác động của kinh tế thị trường, sự đổi mới về các chính sách đất đai, đầu tư vốn, nhân lực, cung cấp phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đã tạo cho việc phát triển KTTT ở thành phố có nhiều biến động theo chiều tích cực cả về số lượng, quy mô lẫn chất lượng và tính đa dạng của sản phẩm. Sự tăng nhanh về số lượng TT được thể hiện qua biểu đồ dưới đây:

*Biểu đồ Biến động số lượng trang trại ở TPHCM giai đoạn 1985 – 2009*



*Nguồn: Chi cục Phát triển nông thôn TPHCM, 2010*

**4.2. Phân bố trang trại ở TPHCM**

Năm 2009, TPHCM có 2.294 TT, tập trung tại các quận: 9, 12, Thủ Đức và các huyện: Cần Giờ, Nhà Bè, Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn. Trong đó, nhiều nhất là loại hình TT thủy sản với tổng diện tích đất TT khoảng 6370 ha, vốn đầu tư 3.231.882 triệu đồng, giải quyết 6774 lao động nông nghiệp thường xuyên.

Số lượng các loại hình trang trại, tính đến năm 2009, được thống kê ở bảng 1 dưới đây:

**Bảng 1.** Số lượng và cơ cấu trang trại theo loại hình ở TPHCM, năm 2009

Loại hình trang trại	Số lượng (trang trại)	Tỉ lệ (%)
Thủy sản	1460	63,64
Chăn nuôi	584	25,46
Trồng trọt	158	6,89
Lâm nghiệp	1	0,05
Dịch vụ	91	3,96
<b>Tổng</b>	<b>2294</b>	<b>100</b>

*Nguồn:* Chi cục Phát triển Nông thôn TPHCM

Bảng 1 cho thấy, số lượng trang trại nuôi trồng thủy sản chiếm nhiều nhất, kế đến là chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ, ít nhất là lâm nghiệp với sự phân bố như sau: Về số lượng TT thì nhiều nhất vẫn là huyện Cần Giờ với 1585 TT (chiếm 69,1%), chủ yếu là thủy sản (1444 TT) và trồng trọt (130 TT); thứ hai là huyện Củ Chi với 271 TT (chiếm 11,8%), chủ yếu là chăn nuôi; thứ ba là huyện Hóc Môn với 223 TT (chiếm 9,7%) với ngành chăn nuôi là chính; thứ tư là quận Thủ Đức với 116 TT (chiếm 5,1%), chủ yếu là dịch vụ nông nghiệp và chăn nuôi; thứ năm là Quận 9 với 75 TT (chiếm 3,3%) chuyên về chăn nuôi; huyện Nhà Bè, Bình Chánh có số lượng TT ít và cũng tập trung vào ngành chăn nuôi; cuối cùng là Quận 12, chỉ có 3 TT (2 TT trồng trọt và 1 TT thủy sản).

## 5. Đặc điểm của trang trại ở TPHCM

### 5.1. Về quy mô trang trại

Với đặc thù là nông nghiệp ngoại thành, đa số các TT có quy mô vừa và nhỏ, bình quân 2,78 ha/TT (bình quân chung của cả nước là 5,7 ha). Trong đó, số TT có quy mô dưới 0,5ha chiếm 42%;

từ 0,5 – 1,0 ha chiếm 21,6%; từ 1 – 3 ha chiếm 25,6%; từ 3 – 5 ha chiếm 6,4% và trên 5 ha chỉ chiếm 6%.

Diện tích đất bình quân của các TT ở các quận, huyện có sự chênh lệch đáng kể, cụ thể như: huyện Cần Giờ là 10,57 ha/TT, huyện Nhà Bè 2,1 ha/TT, quận Thủ Đức 1,25 ha/TT, quận 8 là 0,84 ha/TT. Đặc biệt, một số TT tập trung ở huyện Củ Chi (hay Cần Giờ) có diện tích lên đến 27 ha và một số TT ở quận 12 (hay quận Thủ Đức) có diện tích chỉ đạt 0,4 ha. Sự chênh lệch này là do các yếu tố như: phương hướng sản xuất kinh doanh, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, nguồn gốc hình thành đất đai của các TT... [3]

### 5.2. Về vốn đầu tư

Lượng vốn đầu tư cho KTTT ở thành phố hiện nay bình quân là 1,4 tỉ đồng/TT, nhưng có sự chênh lệch giữa các địa phương (cao nhất là 24,6 tỉ đồng và thấp nhất là 0,4 tỉ đồng). Nguồn vốn của các TT chủ yếu là vốn tự có, chiếm khoảng 84,23%, riêng ở Củ Chi lên đến 92,30%, phần còn lại do các chủ TT đi vay các tổ chức xã hội hay ngân hàng.

Vốn vay được huy động từ nhiều nguồn nhưng tập trung ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (khoảng 65%), hay Chương trình 105, Quỹ Hội nông dân. Tỷ lệ chủ TT có nhu cầu vay vốn để sản xuất là 58,8%, còn lại 41,2% tự đầu tư vốn. Tỷ lệ vay được vốn

so với nhu cầu cũng chỉ đạt 64,5%. Số tiền vay phổ biến ở mức 100 triệu đến 500 triệu (chiếm 55,7%) và dưới 100 triệu (36,4%) [3]. Nguồn vốn đầu tư được phân bổ cho các trang trại ở các ngành thể hiện qua bảng 2 sau đây:

**Bảng 2.** Diện tích đất và vốn đầu tư của trang trại thành phố, năm 2009

Nội dung	Đơn vị tính	Trồng trọt	Chăn nuôi	Thủy sản	Lâm nghiệp	Dịch vụ khác	Tổng cộng
Diện tích đất	Ha	374,81	251,56	5.330,32	9,43	403,45	6.369,57
Vốn đầu tư	Tỉ đồng	563,8	1.883,3	386,7	50,9	347,1	3.231,9

*Nguồn:* Chi cục Phát triển Nông thôn TPHCM

### 5.3. Về lao động

Tổng số người lao động trong TT của thành phố là 6774 (lao động nữ chiếm 26%); trong đó, số người lao động trong TT trồng trọt là 379 người, chăn nuôi là 1513, thủy sản là 4411, lâm nghiệp là 6 và dịch vụ là 465.

Trình độ học vấn của người lao động chưa cao: trung cấp, cao đẳng, đại học chỉ chiếm 5,5%, THCS và THPT là 90,6%, tiểu học chiếm 3,8%.

Thời gian làm việc ở trang trại khác với sản xuất công nghiệp, do nơi sản xuất là chuồng trại, cánh đồng, vườn cây, ao nuôi thủy sản... gần với nhà ở, nên thời gian lao động thường kéo dài hơn 8 tiếng trong ngày. [3]

### 5.4. Về tổ chức sản xuất

Các trang trại thường được tổ chức sản xuất theo kiểu gia đình. Người chủ trực tiếp tổ chức, điều hành công việc. Lao động trong gia đình là lực lượng sản xuất chính, lao động thời vụ chỉ chiếm 12,6 % tổng số lao động. Điều đó thể

hiện sự ổn định về trình độ sản xuất thâm canh của các TT.

Lao động thuê mướn thường không thông qua kí kết hợp đồng bằng văn bản mà là hình thức hợp đồng miệng. Người làm thuê có thể nhận thù lao dưới dạng tiền theo ngày hay theo tháng tính trên ngày công thực tế. Bình quân ngày công các chủ TT trả cho người lao động là từ 70.000 – 90.000 đồng/ngày hay 1,6 triệu đồng/tháng tùy theo tính chất công việc được giao. [3]

Hình thức liên kết giữa các TT với các hộ chăn nuôi nhỏ, lẻ, các TT ở tỉnh, các công ti Nhà nước, các công ti nước ngoài đang có chiều hướng phát triển tốt. Trong đó, các TT tư nhân chủ yếu theo phương thức chăn nuôi bán công nghiệp. Họ cung cấp con giống thương phẩm và cùng với các hộ chăn nuôi gia đình sản xuất heo thịt cung cấp cho thị trường. Các hình thức liên doanh, liên kết, vệ tinh, nhượng quyền... của các doanh

nghiệp ở thành phố và nước ngoài đang có những dấu hiệu tốt đẹp.

Các công ti nước ngoài chủ yếu thực hiện hình thức hợp tác với người chăn nuôi thông qua phương thức gia công tính trên từng con heo, gà. Cụ thể là doanh nghiệp sẽ cung cấp con giống, thức ăn theo định mức và hướng dẫn kỹ thuật cho người chăn nuôi. Đến khi thu hoạch, doanh nghiệp sẽ thu lại toàn bộ sản phẩm, đồng thời thanh toán tiền công cho người chăn nuôi.

Hình thức hợp tác của các doanh nghiệp chăn nuôi với các hộ, trại chăn nuôi trong và ngoài thành phố chủ yếu là bán con giống, tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ xây dựng dự án chăn nuôi hoặc nhượng quyền thương hiệu cho một số trại chăn nuôi.

### 5.5. Về kết quả hoạt động kinh doanh

Khác với các tỉnh, hầu hết TT tại TPHCM có diện tích không lớn, nhưng do được đầu tư, thâm canh nên đa phần TT đã tạo ra giá trị sản xuất khá cao. Tỷ suất lợi nhuận trong năm (thu nhập/vốn) là 61%. Số TT có lợi nhuận trên 100 triệu đồng/TT/năm chiếm 28,8%, từ 51 triệu – 100 triệu đồng chiếm 52% và dưới 51 triệu đồng chiếm 39,2%. Nếu xếp theo loại hình thì thu nhập cao nhất vẫn là TT chăn nuôi với 187.862,025 nghìn đồng/TT; tiếp theo là trồng trọt với 118.848,841 nghìn đồng/TT; thứ ba là lâm nghiệp với 111.850,000 nghìn đồng/TT; thứ tư là TT kết hợp với 74.908,824 nghìn đồng/TT và thấp nhất là thu nhập của loại hình TT thủy sản với 59.992,366 nghìn đồng/TT. Trong các

loại hình TT kể trên, TT trồng lan cắt cành và TT nuôi cá cảnh là có vốn đầu tư và thâm canh cao nhất; đồng thời, thu nhập của 2 đối tượng này cũng ở vị trí cao nhất, lên đến vài trăm triệu đồng/ha/năm. [3]

### 5.6. Những hạn chế

Trong quá trình phát triển KTTT, bên cạnh những tác động tích cực thì vẫn còn một số hạn chế, đó là:

- Phát triển KTTT ở một số quận, huyện còn mang tính tự phát, không theo quy hoạch.

- Việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các TT tiến hành chậm, một số vấn đề về sử dụng đất của TT còn vướng mắc chưa được xử lý kịp thời.

- Trình độ quản lý của các chủ TT và tay nghề của người lao động còn hạn chế.

- Chất lượng sản phẩm hàng hóa của TT chưa cao, chủ yếu dưới dạng thô, tiêu thụ khó khăn; nhiều chủ TT chưa nắm bắt được nhu cầu của thị trường nên sản xuất còn bị động, hiệu quả thấp.

- Nhiều nơi chưa được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển và hưởng các chính sách khuyến khích của Nhà nước. Môi trường pháp lý chưa rõ ràng, đồng bộ.

Vì những lý do đó nên sự phát triển KTTT còn chưa tương xứng với khả năng của thành phố. Đôi khi, mô hình này còn tỏ ra kém bền vững, có thể gây tổn hại nguồn tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

### 6. Kết luận

Phát triển KTTT ở TPHCM là một trong những con đường đi đến xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập, ổn định

đời sống của người dân, tạo ra cách làm ăn mới trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, góp phần thực hiện CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố.

KTTT phát triển không những đem lại nguồn thu cho chủ TT mà còn có những đóng góp đáng kể về kinh tế - xã hội và môi trường. Cụ thể, các TT hàng năm đóng góp cho việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn như đường liên thôn, liên xã, kênh mương thủy lợi, điện, nhà văn hóa; hàng năm giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động, tăng thu nhập cho các hộ nghèo; sử dụng hiệu quả lượng vốn nhàn rỗi của người dân để đầu tư cho sản xuất; đồng thời góp phần điều hòa không khí, bảo vệ đất, chống ô nhiễm môi trường...

Cùng với sự tăng nhanh về số lượng, các TT đã và đang khẳng định vị

trí, vai trò quan trọng của mình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải có thái độ đúng đắn đối với sự tồn tại và phát triển của loại hình kinh doanh này. Đồng thời, Nhà nước cần tạo cơ sở pháp lý để KTTT phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Trong thời gian tới, KTTT vẫn là mô hình sản xuất đầu tàu trong việc thực hiện chuyển đổi sang nền nông nghiệp đô thị của TPHCM, tuy nhiên, sẽ phát triển theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Chủ trương của thành phố là đầu tư phát triển những cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao. Những khó khăn về sản xuất như vốn, kỹ thuật, lao động, hạ tầng cơ sở, đầu ra cho sản phẩm... sẽ được khắc phục. Đó là tín hiệu đáng mừng cho nông nghiệp thành phố nói chung và KTTT nói riêng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Vật giá Chính phủ (2000), *Tư liệu về kinh tế trang trại*, Nxb TPHCM.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Tổng cục Thống kê (2003), *Thông tư liên tịch số 62/2003/TTLT/BNN – TCTK ngày 20-5-2003 về hướng dẫn tiêu chí xác định kinh tế trang trại*, Hà Nội.
3. Chi cục Phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo hiện trạng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, TPHCM ngày 2-12-2010.
4. Hội Khoa học kinh tế Việt Nam (1996), *Phát triển kinh tế hợp tác xã và kinh tế trang trại ở Việt Nam*, tập 1.
5. Nguyễn Đình Hương (2000), *Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Việt Thịnh (chủ biên) (2009), *Kinh tế trang trại ở Việt Nam phân tích từ góc độ địa lý kinh tế và sinh thái*, Đề tài khoa học cấp Bộ mã số B2004-75-107, Hà Nội.
7. <http://hochiminhcity.gov.vn/gioithieu/lists/posts/post.aspx?Source=/gioithieuT>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-12-2011; ngày chấp nhận đăng: 16-4-2012)